

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2019/DS-PT

Ngày: 12-3-2019

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Công Bình

Các Thẩm phán:
1. Ông Nguyễn Tấn Đức
2. Ông Y Phi Kbuôr

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Duyên - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Anh - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 14/2019/TLPT-DS ngày 07/01/2019, về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 92/2018/DSST ngày 28/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2019/QĐ-PT ngày 01/3/2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Phạm Văn T; địa chỉ: Thôn X, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H; địa chỉ: đường P, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Bùi Hồng V; địa chỉ: Thôn X, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

3. *Người làm chứng:*

3.1. Ông Nguyễn Văn Đ; địa chỉ: Thôn X, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

3.2. Bà Nguyễn Thị Kim L; địa chỉ: Thôn X, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

4. *Người kháng cáo:* Ông Bùi Hồng V, là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị H trình bày có nội dung như sau:

Ông Phạm Văn T và ông Bùi Hồng V có quan hệ quen biết nhau, nên vào ngày 18/02/2017 âm lịch, ông T có cho ông V vay số tiền 51.000.000 đồng. Hai bên thỏa thuận cuối năm 2017, ông V sẽ trả 5.000.000 đồng, số tiền còn lại được trả làm 04 lần vào ngày 18/7 âm lịch các năm 2018, 2019, 2020 và 2021, nếu ông V vi phạm bất cứ kỳ trả nợ nào thì sẽ phải trả lại toàn bộ số tiền còn nợ cho ông T. Việc vay tiền trên hai bên có lập “Giấy nhận vay tiền” ngày 18/02/2017 âm lịch, ông T và ông V đã ký xác nhận tại mục bên cho vay và bên vay, đồng thời có 02 người làm chứng là ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị Kim L chứng kiến ký tại giấy vay. Tuy nhiên đến hạn trả tiền, thì ông V đã không thực hiện việc trả nợ cho ông như đã thỏa thuận và cho đến nay vẫn còn nợ số tiền là 51.000.000 đồng nợ gốc. Do ông V đã vi phạm về nghĩa vụ trả nợ theo như cam kết, nên ông T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Bùi Hồng V phải trả cho ông T số tiền đã vay là 51.000.000 đồng và lãi suất phát sinh tính từ thời điểm vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho đến nay theo mức lãi suất do pháp luật quy định.

Tại phiên tòa phúc thẩm, phía nguyên đơn xác định ông V có trả cho ông T số tiền 25.000.000 đồng, nhưng là trả cho khoản vay khác và không có liên quan đến khoản nợ 51.000.000 đồng, vì ông V vay của ông T nhiều lần tiền và sau khi trả 25.000.000 đồng, thì hai bên mới lập giấy vay tiền thống nhất số nợ còn lại là 51.000.000 đồng.

Quá trình tham gia tố tụng bị đơn ông Bùi Hồng V trình bày có nội dung như sau:

Vào năm 2012, ông Bùi Hồng V có vay của ông Phạm Văn T số tiền là 10.000.000 đồng, lãi suất là 7%/tháng, do đã lâu nên không nhớ thời gian cụ thể. Đến khoảng đầu năm 2013 ông V vay thêm số tiền 5.000.000 đồng, lãi suất là 9%/tháng, các lần vay có lập giấy vay tiền và ông T giữ giấy vay nhưng sau đó ông T đã hủy hết các giấy vay tiền. Cuối năm 2013 ông V đã trả lãi cho ông T với tổng số tiền là 18.000.000 đồng và năm 2014 trả thêm cho ông T 6.000.000 đồng tiền lãi, khi trả tiền lãi thì không có lập giấy tờ gì cả. Sau đó, do làm ăn thua lỗ nên ông không tiếp tục trả lãi cho ông V được. Vì vậy, đến cuối năm 2015, ông T đã cộng cả gốc và lãi thành 64.000.000 đồng và nói với ông V là sẽ không tính lãi suất theo thỏa thuận trước đây mà tính theo lãi suất Ngân hàng với mức 0,9%/tháng.

Ngày 18/02/2017 âm lịch, ông V có sang nhà ông Nguyễn Văn Đ và nhờ ông Đ, bà Nguyễn Thị Kim L làm chứng về việc ông V trả cho ông T 25.000.000 đồng. Sau đó, ông T yêu cầu ông V ký vào giấy xác nhận nợ do ông T viết sẵn với nội dung ngày 18/02/2017 âm lịch, ông V còn nợ ông T số tiền 51.000.000 đồng và thỏa thuận thời hạn trả nợ là cuối năm 2017 trả 5.000.000 đồng, sau đó vào ngày 18/7 âm lịch hàng năm, bắt đầu từ năm 2018 đến năm 2021 mỗi năm ông phải trả cho ông V

11.500.000 đồng cho đến khi trả hết nợ và ông T đồng ý không tính lãi. Lý do ông V ký giấy vay nợ 51.000.000 đồng, là do thời điểm đó ông T tính cả gốc và lãi thành 76.000.000 đồng, nên khi trả 25.000.000 đồng thì còn nợ là 51.000.000 đồng. Do sau này bị ốm nặng không còn khả năng lao động, không có thu nhập nên ông V đã không trả được tiền nợ cho ông T theo như thỏa thuận. Ông V xác định ông có ký nhận số tiền còn nợ ông T là 51.000.000 đồng, nhưng đây là khoản cả tiền nợ gốc 15.000.000 đồng và tiền lãi cộng lại. Đối với yêu cầu khởi kiện của ông T thì ông V không đồng ý bồi lẽ từ khi vay đến nay ông đã trả tiền lãi quá nhiều cho ông T rồi, nên đề nghị Tòa án xem xét để đảm bảo quyền lợi cho ông.

Người làm chứng là ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị Kim L đều trình bày có nội dung như sau:

Ngày 18/02/2017 âm lịch, ông Đ và bà L có làm chứng việc ông Bùi Hồng V trả cho ông Phạm Văn T số tiền 25.000.000 đồng, sau đó hai bên chốt giấy nợ và lập giấy nhận vay tiền, với nội dung xác nhận ông V còn nợ ông T số tiền 51.000.000 đồng và ông T đồng ý không tính lãi suất đối với số tiền trên, ông V có trách nhiệm trả dần hàng năm theo thỏa thuận trong giấy nhận vay tiền. Đối với việc vay mượn giữa ông V với ông T trước đây cụ thể như thế nào, thì ông Đ, bà L không biết và không chứng kiến, ngoài ra ông Đ và bà L không biết gì thêm.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 92/2018/DS-ST ngày 28/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

- Áp dụng khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 144, Điều 147, Điều 220, Điều 227, Điều 266, Điều 271 của Bộ luật tố tụng dân sự.
- Áp dụng các Điều 357, 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự.
- Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Văn T. Buộc ông Bùi Hồng V phải có trách nhiệm trả cho ông Phạm Văn T số tiền 51.000.000 đồng.

Áp dụng Điều 357 Bộ luật dân sự để tính lãi suất chậm trả trong giai đoạn thi hành án khi người được thi hành án có đơn yêu cầu.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, tuyên quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án dân sự cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 14/12/2018 bị đơn ông Bùi Hồng V kháng cáo bản án sơ thẩm, với nội dung: Bản án sơ thẩm buộc ông phải trả cho ông T 51.000.000 đồng là không đúng, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ nội dung vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và bị đơn vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa trình bày ý kiến xác định: Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán cũng như tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, thư ký và các đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung: Tại giấy nhận vay tiền đề ngày 18/02/2017 âm lịch đã thể hiện nội dung ông Bùi Hồng V vay của ông Phạm Văn T số tiền 51.000.000 đồng và hai bên có thỏa thuận về thời gian trả nợ theo từng đợt. Tuy nhiên, sau đó ông V đã không trả được tiền nợ theo như cam kết, là vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Ông V cho rằng ông chỉ vay 15.000.000 đồng nợ gốc và do tính lãi suất cao nên mới thành số tiền 51.000.000 đồng, nhưng ông V không cung cấp được chứng cứ chứng minh. Bản án sơ thẩm buộc ông V phải trả cho ông T 51.000.000 đồng là có căn cứ, nên kháng cáo của ông Bùi Hồng V là không có cơ sở chấp nhận. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của ông Bùi Hồng V và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Bùi Hồng V được nộp trong thời hạn luật định và đã nộp tiền tạm ứng án phí do đó Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết vụ án theo trình tự phúc thẩm là phù hợp.

[2] Về nội dung: Đối với kháng cáo của bị đơn ông Bùi Hồng V, Hội đồng xét xử xét thấy: Tại “Giấy nhận vay tiền” ngày 18/02/2017 âm lịch, do nguyên đơn cung cấp thể hiện nội dung ông Phạm Văn T có cho ông Bùi Hồng V vay số tiền 51.000.000 đồng và có chữ ký xác nhận của bên vay là ông Bùi Hồng V và ông V đã thừa nhận chữ ký là do ông V viết và ký; ông V cho rằng ông chỉ vay 15.000.000 đồng nợ gốc, sau đó đã trả 02 lần tiền lãi là 24.000.000 đồng và tính đến ngày chốt nợ (ngày 18/02/2017 âm lịch), do ông T tính cả gốc và lãi thành 76.000.000 đồng và ông trả 25.000.000 đồng nên số tiền còn nợ lại số tiền 51.000.000 đồng, nên ông V đã ký giấy xác nhận số nợ với ông T, nhưng ông V không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình và phía nguyên đơn không thừa nhận nội dung này; nguyên đơn xác nhận ông V có trả số tiền 25.000.000 đồng nhưng là trả nợ của khoản vay khác và trả trước khi hai bên xác nhận khoản tiền còn nợ; đồng thời những người làm chứng đều xác định chỉ chứng kiến việc trả tiền và sau đó hai bên lập giấy xác nhận, còn việc vay tiền như thế nào thì họ không biết. Do đó ý kiến trình bày của bị đơn ông Bùi Hồng V là không có cơ sở chấp nhận.

Như vậy, có đủ cơ sở xác định ông Bùi Hồng V có vay của ông Phạm Văn T số tiền là 51.000.000 đồng và hai bên đã lập giấy vay đề ngày 18/02/2017 âm lịch, theo

đó hai bên thỏa thuận thời hạn trả nợ là cuối năm 2017 ông V sẽ trả cho ông T 5.000.000 đồng, số tiền còn lại được trả làm 04 lần vào ngày 18/7 âm lịch các năm 2018, 2019, 2020 và 2021. Tuy nhiên, đến hạn trả nợ ông V đã không trả tiền theo như cam kết cho ông T, là vi phạm nghĩa vụ trả tiền của bên vay, nên ông T đã khởi kiện và bản án sơ thẩm đã buộc ông V phải trả cho ông T số tiền 51.000.000 đồng là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó kháng cáo của ông Bùi Hồng V là không có cơ sở chấp nhận, Hội đồng xét xử phúc thẩm cần giữ nguyên bản án sơ thẩm là đúng đắn.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên bản án sơ thẩm buộc ông Bùi Hồng V phải chịu 2.550.000 đồng, là đúng đắn; đồng thời yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên ông Bùi Hồng V phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, hiện nay ông Bùi Hồng V bị tàn tật, liệt nửa người và có giấy chứng nhận được hưởng chế độ người tàn tật, nên được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do đó, cần sửa bản án sơ thẩm về phần án phí dân sự sơ thẩm theo hướng miễn án phí dân sự sơ thẩm và miễn án phí dân sự phúc thẩm đối với ông Bùi Hồng V. Trả lại cho ông Bùi Hồng V số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm là 300.000 đồng mà ông V đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai thu số AA/2017/0011603 ngày 25/12/2018.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự; áp dụng Điều 357, Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Bùi Hồng V, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 92/2018/DS-ST ngày 28/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk về phần nội dung và sửa bản án về phần án phí.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Văn T. Buộc ông Bùi Hồng V phải có trách nhiệm trả cho ông Phạm Văn T số tiền là 51.000.000 đồng (năm mươi một triệu đồng).

Áp dụng Điều 357 Bộ luật dân sự để tính lãi suất chậm trả trong giai đoạn thi hành án khi người được thi hành án có đơn yêu cầu.

[2] Về án phí: Miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm đối với bị đơn ông Bùi Hồng V. Trả lại cho ông Bùi Hồng V số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm là 300.000 đồng mà ông V đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai thu số AA/2017/0011603 ngày 25/12/2018.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND thành phố Buôn Ma Thuột;
- CCTHADS thành phố B ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trương Công Bình